

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150/2020/HC-PT**

Ngày: 29-7-2020

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 05/2019/TLPT-HC ngày 03/12/2019, về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1149/2020/QĐ-PT ngày 10/7/2020, giữa các đương sự:

* ***Người khởi kiện:*** Vợ chồng ông Lưu Bá H, sinh năm 1957, bà Văn Thị Bích N, sinh năm 1968; nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Bà Văn Thị Bích N ủy quyền cho ông Lưu Bá H (*theo Giấy ủy quyền ngày 20/12/2019*). (ông H có mặt)

* ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Thị trấn H2, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn Th, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Huỳnh Tấn Ph - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân thị trấn H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Thị trấn H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt). *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Quốc Tr, cán bộ công chức địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn (vắng mặt).

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn xăng dầu B. *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Văn Thị Bích N - Giám đốc. Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (Bà Văn Thị Bích N ủy quyền cho ông Lưu Bá H, theo Giấy ủy quyền ngày 17 và 20/12/2019) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện vợ chồng ông Lưu Bá H, bà Văn Thị Bích N trình bày:

Năm 1985 vợ chồng ông Lưu Bá H, bà Văn Thị Bích N có khai hoang sử dụng một thửa đất bồi ven biển, đến năm 2000 ông bà ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H1 thuê mặt bằng để được cấp giấy chứng nhận kinh doanh xăng dầu. Năm 2002, thực hiện chủ trương cấp đất thu tiền để xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương, vợ chồng ông bà khai thác vùng đất bãi bồi (trước đây địa phương làm bãi rác) để xin được cấp đất. Ngày 24/02/2005, Ủy ban nhân dân huyện T1 (nay là Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 173059 tại thửa số 36, trích đo, diện tích 700m² đất ở nông thôn tại khu phố P 3, thị trấn H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Trong đó vợ chồng ông H nộp 7.000.000đ để chuyển đổi 500m² đất ngoài hạn mức sang đất ở, còn lại nộp 3.000.000đ cho ngân sách để được cấp 200m² đất. Ông H cho rằng việc cấp đất là đúng quy định của pháp luật, vì nguồn gốc đất là do ông khai hoang, tuy nhiên thực tế do địa phương bán thu tiền, nhiều trường hợp các hộ dân khác cũng tương tự, nhưng đều được sử dụng ổn định và không ai bị thu hồi, nhưng của ông bị thu hồi là trái pháp luật. Do đó, ông H, bà N yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 2188/QĐ - UBND ngày 26/4/2018 của UBND huyện Đ v/v thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông H. Ông H, bà N xin rút lại yêu cầu khởi kiện hủy bỏ quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Đ. Vì quyết định này đã bị hủy bỏ.

Người bị kiện UBND huyện Đ trình bày theo công văn số 1139/UBND-TNMT ngày 05/4/2019:

Ngày 01/3/2018 UBND huyện Đ ra thông báo số 80/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB 173059 ngày 24/02/2005 của ông Lưu Bá H, bà Văn Thị Bích N, lý do thu hồi “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lưu Bá H, bà Văn Thị Bích N không đúng nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của luật đất đai*”. Ngày 09/4/2018 UBND huyện Đ ban hành quyết định số 1782/QĐ-UBND về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Lưu Bá H. Tuy nhiên, do có sự nhầm lẫn trong việc đánh máy về từ “hủy” nên ngày 23/4/2018 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2079/QĐ-UBND về việc hủy quyết định 1782/QĐ-UBND ngày 09/4/2018. Đến ngày 26/4/2018 thì UBND huyện Đ tiếp tục ban hành văn bản số 2188/QĐ-UBND v/v thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Lưu Bá H. Lý do của việc thu hồi đất là do cấp không đúng nguồn gốc sử dụng, căn cứ theo quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2011-2015) của UBND thị trấn H1, quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đ thì vị trí đất của ông Lưu Bá H đang khởi kiện được quy hoạch là đất ở đô thị, do UBND thị trấn H1 quản lý, ông H là người thuê đất để kinh doanh xăng dầu, nên việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông H có nguồn gốc đất do khai hoang là không đúng với quy định của luật đất đai. Do vậy, UBND huyện Đ không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất của vợ chồng ông Lưu Bá H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

UBND thị trấn H1 trình bày: Tại công văn số 237/UBND ngày 19/9/2019, UBND thị trấn H1 cho rằng ông H thuê đất của UBND thị trấn theo Hợp đồng số 05 ngày 01/3/2000 (thời hạn thuê 05 năm), đến ngày 29/9/2004 ông H làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, năm 2005 UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai về nguồn gốc, nên UBND thị trấn H1 thống nhất theo quan điểm của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 17359 đã cấp cho vợ chồng ông Lưu Bá H.

Công ty TNHH Xăng dầu B, do ông H đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất theo yêu cầu người khởi kiện. Cho rằng việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông H là đúng với chủ trương giao đất của địa phương, do vậy không có yêu cầu bồi thường hay bất kỳ yêu cầu gì về tài sản trên đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người khởi kiện thay đổi nội dung, rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy quyết định 1782/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Đ, đề nghị Tòa giải quyết yêu cầu khởi kiện còn lại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ vào điều 30, 32, 116, khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lưu Bá H, bà Văn Thị Bích N đối với yêu cầu hủy quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 173059 ngày 24/02/2005 tại thửa số 36, tờ bản đồ Trích đo, diện tích 700m², tọa lạc tại thôn P 3, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vì không có căn cứ pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Đ về việc hủy Giấy chứng nhận quyền dùng đất có số phát hành AB 173059 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03064/CN/QSĐĐ ngày 24/02/2005 của ông Lưu Bá H.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2019 và ngày 30/10/2019, ông Lưu Bá H kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, với nội dung:

1/ Bản án sơ thẩm cho rằng việc UBND huyện Đ giao thửa đất số 36 nêu trên cho gia đình ông trái với quy định tại điều 50 của luật đất đai 2003 là không có cơ sở, vì lý do sau: Căn cứ khoản 7 Điều 50 luật đất đai 2003, về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất, quy định: “...7. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trường hợp chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật”. Như vậy thửa đất của gia đình ông được Nhà nước cho thuê, được cấp 200m² theo hạn mức có thu tiền sử dụng đất, 500m² ngoài hạn mức đã nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp Giấy CNQSDĐ là hoàn toàn phù hợp với pháp luật đất đai.

2/ Bản án sơ thẩm cho rằng thửa đất số 36 mà gia đình ông đang sử dụng để xây dựng cửa hàng xăng dầu là không phù hợp với quy hoạch đất tại địa phương là không có cơ sở, vì căn cứ vào nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ đã bãi bỏ quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu (khoản 1 điều 2 bãi bỏ Điều 5 qui hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu của nghị định 83/2014/NĐ-

CP về kinh doanh xăng dầu). Do vậy về qui hoạch cửa hàng xăng dầu của gia đình ông là không trái với qui định của pháp luật.

3/ Bản án sơ thẩm chấp nhận căn cứ thu hồi giấy CNQSDĐ của gia đình ông theo điểm d khoản 1 Điều 106 luật đất đai năm 2013 là trái với qui định của pháp luật về áp dụng văn bản qui phạm pháp luật. Vì việc cấp giấy CNQSDĐ cho gia đình ông diễn ra vào năm 2004 thì phải áp dụng luật đất đai hiện hành là Luật đất đai 2003 chứ không thể áp dụng Luật đất đai 2013.

Qua phần trình bày nêu trên ông khẳng định rằng: Thừa đất mà gia đình ông đang sử dụng có đủ điều kiện để được cấp giấy CNQSDĐ theo đúng qui định pháp luật về đất đai; giấy CNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông không thuộc trường hợp phải thu hồi. Do vậy, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 và chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện tuyên hủy Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của UBND huyện Đ v/v thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ có số phát hành AB173059, số vào sổ cấp GCN QSDĐ 03064/CN/QSDĐ, vì đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lưu Bá H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử sửa Bản án sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 và chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện tuyên hủy Quyết định số 2188/QĐ-UBND của UBND huyện Đ ngày 26/04/2018, v/v thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ có số phát hành AB173059, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 03064/CN/QSDĐ, vì đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Tại các đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện cho Người bị kiện và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Lưu Bá H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự giải quyết, đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Bản án sơ thẩm giải quyết đúng pháp luật, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 luật Tố tụng hành chính không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lưu Bá H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, của các đương sự tại hồ sơ và người khởi kiện tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chỉ có người khởi kiện là ông Lưu Bá H, các đương sự còn lại vắng không rõ lý do, những phiên tòa trước người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phiên tòa này người bị kiện có nhận giấy triệu tập hợp lệ, nhưng không có mặt và không có đơn; đây là phiên tòa lần thứ ba, do vậy HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất số 36, tờ bản đồ trích đo có diện tích 700m² được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AB 173059 ngày 24/2/2005 cho ông H trước đây là vùng đất bãi bồi ven biển do vợ chồng ông H bà N khai hoang sử dụng từ năm 1986, sau đó UBND xã H1 (nay là thị trấn H1) bán cát cho đơn vị thi công cầu Bàn Thạch tạo thành hố rất sâu để cho người dân lân cận làm bãi đổ rác, một thời gian gây mùi hôi thối nên địa phương không cho đổ rác nữa. Lúc này vợ chồng ông H bà N tiếp tục thuê xe đổ đất đá san lấp hầm rác tạo thành mặt bằng và xây dựng cửa hàng xăng dầu phục vụ ngư dân. Khi vợ chồng Hạnh bà N lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận QSDĐ, thì chính quyền yêu cầu vợ chồng ông bà thuê đất, ông H bà N cho rằng lẽ ra ông bà khiếu nại nhưng vì công việc làm ăn buộc lòng ông bà phải thuê. Ngày 01/3/2000, UBND xã H1 lập Hợp đồng cho ông H thuê 900m² đất (loại đất bãi cát ven biển) có số thửa B-22, tờ bản đồ 13, với mục đích để ông H làm mặt bằng mua bán xăng dầu, ông H đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đầy đủ mỗi năm theo mức giá là 27,5 kg lúa.

Ngày 07/9/2002, theo chủ trương của UBND xã, Bí thư chi bộ, Trưởng phó thôn và đại diện các đoàn thể họp xét giao đất cho nhiều hộ dân, trong đó có hộ gia đình ông H đồng thời thu tiền “*Tự nguyện đóng góp ngân sách xã*”, thực chất là thu công ích cho UBND xã đối với 200m² đất ở là 3.000.000 đồng, theo “Biên bản họp xét cấp đất năm 2002” có nhiều nhân chứng ký xác nhận.

Ngày 29/9/2004 ông H bà N gửi “*Đơn xin cấp giấy CNQSDĐ*” đối với 500m² có xác nhận của UBND xã H1 và Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T1, đơn nêu rõ là “Đất ven biển bãi bồi” sử dụng từ năm 1986 đến nay không lấn chiếm và không có tranh chấp với ai. Ngày 13/10/2004 Hội đồng xét cấp đất của xã họp thống nhất, có nhiều nhân chứng xác nhận nên vợ chồng ông bà lập thủ tục đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ. Ngày 15/10/2004 UBND xã H1 lập Tờ trình số 57/TTr-UB kèm với “*Trích lục bản đồ*

địa chính lô đất” gửi UBND xã H1 và Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T1. Ngày 21/01/2005 Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T1 lập tờ Trình số 17/TTr-TN&MT gửi UBND huyện T1 đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ cho ông H bà N.

Sau đó, vợ chồng ông bà được hướng dẫn lập thủ tục chuyển đổi 500m² đất còn lại ngoài 200m² đất ở theo hạn mức; nộp các khoản tiền sử dụng đất theo quy định, thể hiện tại biên lai thu tiền số 006455 ngày 21/3/2005 của Chi cục thuế T1 với số tiền nộp chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 7.000.000đ và biên lai thu lệ phí trước bạ số 009248 cùng ngày với số tiền 98.000đ. Trên cơ sở trình tự thủ tục được thực hiện, ngày 24/2/2005 UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AB 173059 cho ông H bà N tại thửa đất số 36, tờ bản đồ Trích đo có diện tích 700m², loại đất ở tại nông thôn (ONT).

Ngày 02/5/2007 bà N được UBND huyện Đ (được tách ra từ huyện T1) cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD và bà đã xây dựng “Cửa hàng xăng dầu B”, được Sở Công thương cấp phép kinh doanh xăng dầu. Như vậy trình tự thủ tục xin giao đất và thửa đất số 36, tờ bản đồ Trích đo có diện tích 700m² được UBND huyện T1 cấp ngày 24/2/2005 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AB 173059 cho ông H, bà N đúng với Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ.

[3] Xét Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 173059 ngày 24/02/2005 tại thửa số 36, tờ bản đồ Trích đo, diện tích 700m², tọa lạc tại thôn P 3, huyện Đ, tỉnh Phú Yên: UBND huyện Đ trình bày là “*căn cứ vào Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2011- 2015) của UBND thị trấn H1 theo Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Phú Yên*”. Xét thấy, đây là những văn bản được ban hành sau khi các cấp có thẩm quyền giao đất và cấp giấy CNQSDĐ cho ông H bà N, không có hiệu lực hồi tố nên không thể căn cứ vào đó để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H bà N. Trong trường hợp cần thu hồi đất để thực hiện quy hoạch thì phải có phương án bồi thường theo quy định của pháp luật.

[4] Mặt khác, UBND huyện Đ cho rằng ông H bà N khai gian dối không đúng nguồn gốc sử dụng đất, tức là đất đang thuê chứ không phải đất tự khai hoang. Tuy nhiên, trong thực tế ông H bà N đã khai hoang trước khi thuê đất; sau khi thuê đất, ông H đã có đơn xin cấp đất và được các cơ quan chức năng lập đầy đủ thủ tục giao đất có thu tiền sử dụng đất và thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở có thu tiền sử dụng đất; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và số tiền chuyển

đổi mục đích 7.000.000đ, tiền lệ phí trước bạ 98.000đ đã được nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. Từ đó cho thấy việc UBND huyện Đ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp từ năm 2005 cho ông H bà N là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H bà N, ảnh hưởng đến việc kinh doanh của doanh nghiệp B.

[5] Từ nhận định trên đây, xét thấy việc kháng cáo của ông Lưu Bá H là có căn cứ pháp luật, ý kiến đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện Viện Kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và ý kiến tranh luận của người người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Riêng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông H tự nguyện chịu toàn bộ, nên HĐXX không xem xét.

[7] Người kháng cáo được chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 241, 242 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lưu Bá H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 và 349 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 1,2 Điều 2 Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ; Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, Điều 4, Điều 5 Luật đất đai năm 1993; Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 31, khoản 1 Điều 34, Điều 36, Điều 37 Luật đất đai năm 2003; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lưu Bá H và bà Văn Thị Bích N yêu cầu hủy Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 173059 ngày 24/02/2005 tại thửa số 36, tờ bản đồ Trích đo, diện tích 700m², tọa lạc tại thôn P 3, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Tuyên hủy Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 173059 ngày

24/02/2005 tại thửa số 36, tờ bản đồ Trích đo, diện tích 700m², tọa lạc tại thôn P 3, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

2. Án phí hành chính: UBND huyện Đ phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Ông Lưu Bá H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm, hoàn lại cho ông H 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai số 13007 ngày 28/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/7/2020).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường